



VIỆT NAM: NHỮNG TRANH LUẬN VỀ DÂN CHỦ HÓA VÀ PHÁP QUYỀN HÓA NHÀ NƯỚC (PHẦN 1)

Nguồn: Zachary Abuza (2001). "The debates over Democratization and Legalization", in Z. Abuza, *Renovating Politics in Contemporary Vietnam* (London: Lynne Rienner Publisher), pp. 75-130.

Biên dịch: Nguyễn Duy Hưng | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

Đến giờ phút này, tôi có thể nói một cách chắc chắn rằng không một thế lực trong và ngoài nước nào có thể tiêu diệt được Đảng cộng sản Việt Nam. Chỉ có Đảng tự làm suy yếu chính mình khi không chịu thích nghi với tình hình mới.

- *Tướng Trần Độ*

Đầy tớ thì đi Volga
Bố con Ông chủ ra ga đón tàu
Đầy tớ thì ở nhà lâu
Bố con Ông chủ giấy dầu che mưa
Đầy tớ nhậu nhẹt sớm trưa
Bố con Ông chủ rau dưa qua ngày.

- *Một bài thơ*

Sau thời kỳ Chiến tranh Lạnh, các lực lượng bên ngoài luôn tìm cách thúc đẩy quá trình dân chủ hóa và cải cách chính trị tại Việt Nam. Lấy ví dụ, trong bài phát biểu của Tổng thống Bill Clinton tuyên bố thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam, ông công khai động cơ chủ yếu là thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, từ đó sẽ dẫn tới những đòi hỏi lớn hơn về quyền tự do và chính trị trong dân chúng Việt Nam. Rõ ràng là áp lực từ bên ngoài đã có ảnh hưởng nhất định đến việc đối xử với một số người bất đồng chính kiến như Đoàn Viết Hoạt, Dương Thu Hương, và Nguyễn Thanh Giang. Mặc dù chính quyền luôn bác bỏ việc phóng thích họ là do sức ép bên

ngoài,¹ Việt Nam rõ ràng trông chờ động thái này sẽ giúp giành được một số nhượng bộ kinh tế từ Mỹ. Nhân quyền, dù Việt Nam có đồng ý hay không với cách hiểu của Phương Tây, phải nằm trong chương trình nghị sự của các nhà hoạch định chính sách. Có một số dấu hiệu cho thấy điều này đang diễn ra. Ví dụ, tờ *Far East Economic Review* cho biết trong giai đoạn 1992-1993, một nhóm liên cơ quan cấp cao với các đại diện đến từ Bộ Nội Vụ (tức Bộ Công an hiện nay – NHD), Ban Chấp hành Trung ương và các cơ quan khác của Đảng, Tòa án tối cao, và Bộ Ngoại giao đã gặp gỡ để thảo luận về vấn đề nhân quyền.² Mặc dù có áp lực bên ngoài kêu gọi cải cách chính trị và nới lỏng quyền lực của Đảng, nhưng sức ép đòi hỏi dân chủ hóa và cải cách chính trị lại đến từ trong nước. Các lực lượng bên ngoài đơn giản chỉ được coi như một nguồn cơn gây khó chịu hơn là một lực lượng đưa tới thay đổi. Hơn nữa, sức ép đòi tự do hóa chính trị đến từ chính trong nội bộ Đảng. Tranh luận về dân chủ hóa bắt nguồn từ sau Đại hội Đảng VI năm 1986 với việc Nguyễn Văn Linh được bầu làm tổng bí thư Đảng và mở ra kỷ nguyên cải cách và đổi mới kinh tế. Chương 3 sẽ thảo luận nguồn gốc của cuộc tranh luận về dân chủ trong Bộ Chính trị, cuộc đàn áp năm 1989, sự thiếu vắng một phong trào chính thức đòi cải cách chính trị cho đến khi các cuộc biểu tình của nông dân tỉnh Thái Bình nổ ra năm 1998. Sau đó, chương này sẽ phân tích những yêu cầu của Quốc hội, những quan điểm khác biệt về dân chủ và đa nguyên, và những quan ngại của Đảng về tư tưởng hệ và kinh tế trong những năm 1990.

Trần Xuân Bách và tranh luận trong Bộ Chính trị về cải cách chính trị

Sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản tại Đông Âu và Liên bang Xô viết cũ từ 1989 đến 1991 đã có ảnh hưởng sâu sắc đến giới lãnh đạo Việt Nam. Cũng giống như các nước cộng sản khác, Việt Nam phải đối mặt với áp lực dân chủ hóa. Tuy nhiên, không giống như Trung Quốc, nơi mà sức ép đòi dân chủ đến từ giới sinh viên và giai cấp công nhân, thách thức đối với Đảng Cộng sản Việt Nam lại đến từ trong Đảng: chủ đề dân chủ hóa được tranh luận nóng bỏng tại Hà Nội từ 1986 đến 1989. Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh, người coi bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc là ưu tiên chính sách ngoại giao, đã bắt đầu thực hiện cải cách kinh tế theo

Ghi chú của Ban Biên tập: 1. Tài liệu mang tính chất tham khảo, thể hiện quan điểm riêng của tác giả, không phải quan điểm của người dịch và Ban Biên tập *Nghiencuuquocte.net*; 2. Do không thể tìm được tất cả các văn bản gốc để đối chiếu, các trích dẫn được dịch từ tiếng Anh có thể không đúng như nguyên văn tiếng Việt. Một số thông tin (như về tên riêng, nhân thân, chức danh... của các nhân vật hay tên cơ quan, tổ chức) trong bài có thể không chính xác.

¹ Reuters, "Vietnam Party Daily slams Reports on Mass Amnesty," 11 tháng 9 năm 1998.

² Murray Hiebert, "Miles to Go," *Far Eastern Economic Review* (FEER), 29 tháng 7 năm 1993, trang 26.

mô hình của Trung Quốc dựa trên các hợp đồng và quy luật của thị trường thay cho chính sách kế hoạch hóa tập trung. Giới lãnh đạo mong muốn “khu biệt hóa” ý tưởng dân chủ, khuyến khích dân chủ trong nền kinh tế nhưng không ủng hộ đa nguyên chính trị. Nguyễn Đức Bình, ủy viên Bộ Chính trị và là nhà lý luận chính trị hàng đầu của Đảng, viết: “Dân chủ trong nền kinh tế là mắt xích trọng yếu trên con đường dân chủ hóa xã hội. Dân chủ hóa tại các lĩnh vực khác sẽ bị suy giảm đáng kể về tầm ảnh hưởng và sẽ khó cở đủ các điều kiện cần thiết để thực hiện dân chủ hóa một cách đầy đủ và có ý nghĩa; thậm chí chúng ta có thể gặp phải những trở ngại nếu dân chủ hóa không thành công trong lĩnh vực kinh tế, vốn là cơ sở cho đời sống xã hội.”³ Nói một cách đơn giản, nếu như nền kinh tế và mức sống tăng trưởng mạnh mẽ nhờ vào chương trình cải cách, sức ép của dân chúng đòi hỏi cải cách chính trị sẽ bị tiêu tan; chỉ khi nào phải vật lộn mưu sinh, dân chúng mới dám thách thức chính quyền.

Mặc dù Đảng vận động “mở rộng dân chủ” từ năm 1986, nhưng đó không phải là đa nguyên chính trị. Ý của Nguyễn Văn Linh khi nói về “dân chủ” đã gây ra những tranh luận và bàn cãi về chính sách trong nội bộ Đảng. Đối với ông, tập trung dân chủ đã không được thực hiện, nó đã bị xóa bỏ trong đợt thanh trừng nội bộ năm 1967. Tất cả các quyết định đều nằm trong tay một số ít các nhà lãnh đạo cấp cao, những người có quyền lực vô hạn nhưng lại có rất ít hiểu biết về những đặc thù và hoàn cảnh cục bộ gây ra sự đình trệ kinh tế. Để thoát khỏi tình trạng này, cần phải đổi mới tư duy và cởi mở nhưng không đi theo mô hình dân chủ đa đảng tư sản.

Bộ Chính trị đã ban hành một văn kiện năm 1988, bày tỏ quan ngại việc một số cá nhân sẽ sử dụng “dân chủ” để gây mất ổn định cho chế độ. Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh cho rằng cạnh tranh đa đảng sẽ đe dọa an ninh quốc gia vì nó sẽ “tạo điều kiện thuận lợi để các thế lực phản động trong và ngoài nước ngóc đầu dậy ngay lập tức và hoạt động một cách hợp pháp chống lại tổ quốc, nhân dân, và chế độ.”⁴ Tài liệu cũng cảnh báo sẽ có những kẻ “lợi dụng dân chủ và cởi mở để xuyên tạc sự thật, phủ nhận những thành quả cách mạng, và tấn công vai trò lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của nhà nước vì mục đích cá nhân.”⁵

³ Nguyễn Đức Bình, “Đảng với sứ mạng đổi mới chủ nghĩa xã hội,” báo Nhân Dân, 5 tháng 2 năm 1990, trang 1.

⁴ Nguyễn Văn Linh, “Tiếp tục nhiệm vụ đổi mới trên con đường xã hội chủ nghĩa,” Văn kiện đại hội Đảng VII (Hà Nội: Thế Giao, 1991), trang 115.

⁵ Bộ Chính trị, “Một số kết luận về công tác tư tưởng,” Sở nội vụ Hà Nội (HDS), 8 tháng 12 năm 1988, Political Bureau, “Conclusions on Some Ideological Work” in Foreign Broadcast Information Service, Daily Report-East Asia (FBIS-EAS), 9 tháng 12 năm 1988, trang 63.

Nhưng Nguyễn Văn Linh vẫn phải khuyến khích cải cách kinh tế vì sự bất bình của công chúng trước tình trạng đói nghèo triền miên cũng gây ra sự bất ổn xã hội. Trở ngại cho công cuộc cải cách là những quan chức quan liêu trong Đảng, vốn đã quen với các đặc quyền, đặc lợi thông qua việc kiểm soát các nguồn lực khan hiếm; vì vậy, những biện pháp cải cách của Nguyễn Văn Linh đã đe dọa quyền lực độc tôn của Đảng, và họ chống cự rất quyết liệt. Nguyễn Văn Linh đã phải vừa gây sức ép vừa thuyết phục họ ủng hộ chương trình cải cách của ông. Và để làm điều này, năm 1987, Nguyễn Văn Linh đã khuyến khích báo chí và tầng lớp trí thức phê phán các quan chức cấp trung của Đảng và nhà nước, những người cản trở cải cách. Báo chí đã được phép điều tra nhằm phanh phui những cán bộ tham nhũng. Cũng trong năm này, Nguyễn Văn Linh đã bắt đầu viết chuyên mục "Nói và Làm" trên các báo *Nhân Dân* và *Sài Gòn Giải Phóng* nhằm thúc đẩy cải cách và phê phán những người chống cải cách.

Nhờ những nỗ lực của Nguyễn Văn Linh, đã có sự nới lỏng kiểm soát chính trị thực sự đối với quan điểm của giới trí thức, và năm 1988 đánh dấu sự mở rộng chưa có tiền lệ đối với phạm vi phê phán nhằm vào hệ thống chính trị của Việt Nam và những nhận định của các quan chức Đảng,⁶ những người chịu ảnh hưởng lớn bởi các đồng chí tại Ba Lan, Hungary, Séc, và Liên Xô. Tầng lớp trí thức, quan chức Đảng và chính quyền theo sát những tranh luận tại Đông Âu và Liên Xô, mặc dù họ không phải lúc nào cũng chính xác và khách quan khi cố gắng lý giải những chuyển biến chính trị tại Đông Âu. Họ biết rõ rằng, hệ thống đa đảng, mặc dù đảng cộng sản vẫn là lực lượng chính trị hùng mạnh, đã xuất hiện tại Hungary sau khi các quan chức tại các địa phương liên kết lại và lập ra "nhóm" cải cách, sau này biến thành những đảng đối lập.⁷ Sự chuyển biến thành công ở Hungary là do chiến lược kiên trì áp dụng các chính sách cải cách thị trường và những cải cách này đã tạo ra các ngành và khu vực vận hành theo những điều kiện và nhu cầu kinh tế cá nhân. Chính khía cạnh này đã thực sự gây hoang mang cho Đảng Cộng sản Việt Nam. Theo một nhà bình luận nước ngoài, một số cán bộ miền Nam Việt Nam trong Ban chấp hành Trung ương đã đề xuất áp dụng "mô hình của Hungary để phát triển dân chủ chủ nghĩa xã hội."⁸ Những diễn biến tại Hungary, nơi mà các đảng đối lập có quyền không ủng hộ chủ nghĩa xã hội, do vậy đã tiến triển theo hướng hoàn

⁶ Gareth Porter, "The Transformation of Vietnam's World-view: From Two Camps to Interdependence," *Contemporary Southeast Asia* 12 (tháng 6 năm 1990): trang 8.

⁷ Patrick O'Neil, "Revolution from Within: Institutional Analysis, Transitions from Authoritarianism, and the Case of Hungary," *World Politics* 48 (tháng 7 năm 1996): trang 579-603.

⁸ Thái Quang Trung, "Linh và đổi mới: Từ nhân của những người tân bảo thủ?" *Bình luận Việt nam* (Tháng 5-Tháng 6 1989): trang 8.

toàn khác với Ba Lan.⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam sau đó quay sang mô hình cải cách ôn hòa hơn tại Liên Xô, đưa ra ý tưởng nhanh chóng bị chết yểu “đa nguyên xã hội chủ nghĩa”. Nhưng ngay cả mô hình này, theo định nghĩa của Liên Xô, cũng quá cấp tiến với Hà Nội. Ngoài những cải cách thị trường trong nền kinh tế, Liên Xô đã bắt đầu chấp nhận những quan điểm chính trị khác biệt chừng nào mục tiêu của chúng là “phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội....bao gồm những quan điểm không phù hợp hoặc khác biệt với quan điểm chính thống của đảng.”¹⁰

Giới trí thức Việt Nam không có những yêu cầu táo bạo như những đồng nghiệp Đông Âu, nhưng họ phê phán chế độ ngày càng mạnh mẽ hơn. Trần Bạch Đằng, nhà văn và đồng thời cũng là quan chức kỳ cựu của Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam, cựu bí thư thành ủy Sài Gòn, đã phê phán trên tờ *Lao Động* rằng: Quyền tự do bày tỏ quan điểm đã không được tôn trọng và trao đổi cởi mở vẫn bị hạn chế.¹¹ Số khác kêu gọi tăng cường chủ nghĩa xã hội dân chủ, cho phép tranh luận tự do hơn trong Đảng. Một cán bộ lý luận còn đi xa hơn khi kêu gọi đánh giá lại dân chủ tư sản. Chủ nghĩa xã hội, như ông đã viết trên tờ báo lý luận của Đảng, “phải bao gồm những thành tựu đạt được của nhà nước tư sản hiện đại... bao gồm hệ thống hóa dân chủ, pháp luật và nhân quyền.”¹²

Trong nội bộ Đảng, tranh luận chính trị trong hai năm trước khi diễn ra Đại hội Đảng VII, tháng 6 năm 1991, chủ yếu xoay quanh những quan ngại về đa nguyên chính trị và tương lai của chủ nghĩa xã hội. Hội nghị Trung ương 6 diễn ra trong tháng 3 năm 1989 tập trung xác định khái niệm dân chủ là “chuyên chính vô sản.” Theo thông cáo của Hội nghị, “dân chủ đòi hỏi sự lãnh đạo, lãnh đạo để phát triển dân chủ theo hướng đúng đắn và bằng những biện pháp dân chủ đúng đắn. Dân chủ dành cho nhân dân nhưng những kẻ phá hoại thành quả cách mạng, an ninh, và trật tự xã hội sẽ bị trừng trị thích đáng.”

Tại thời điểm đó, các quan chức cấp cao của Đảng đã cảnh báo rằng những đòi hỏi về “dân chủ tuyệt đối” và “sự độc lập của báo chí với đảng ủy và các cấp lãnh đạo khác” sẽ “phát triển thành phong trào gây ra tình trạng hỗn loạn và vô

⁹ Gareth Porter, *Vietnam: The Politics of Bureaucratic Socialism* (Ithaca, N.Y.: Cornell University Press, 1993), trang 98. Cũng tham khảo Trần Trọng Tân, “Ví sao chúng ta không chấp nhận chủ nghĩa đa nguyên,” *Sở nội vụ Hà Nội*, 31 tháng 5 năm 1989, “Why We Do Not Accept Pluralism,” in FBIS-EAS, 6 tháng 6 năm 1989, trang 69.

¹⁰ Hà Xuân Trường, “Số nhiều và thuyết đa nguyên,” *Tạp chí cộng sản* (Tháng 7 năm 1989), “Plurality and Pluralism” in FBIS-EAS, 12 tháng 9 năm 1989, trang 69-71.

¹¹ Trần Bạch Đằng, “Giai cấp công nhân và Đổi mới” (*The Working Class and Renovation*), báo *Lao Động*, số đặc biệt Tết năm 1988.

¹² Nguyễn Đăng Quang, “Chủ nghĩa xã hội là gì?” *Tạp chí cộng sản* (Tháng 1 năm 1989), “What is Socialism?” in FBIS-EAS, 21 tháng 4 năm 1989, trang 55.

chính phủ và chỉ có lợi cho những người chống lại cải cách.”¹³ Những tuyên bố như vậy không cứng rắn như vẻ bề ngoài: những người ủng hộ cải cách kinh tế lo sợ tư tưởng bảo thủ quay lại nên cố gắng kiềm chế. Tác giả Trần Trọng Tân thậm chí còn cho rằng với việc không đàn áp các lực lượng đòi đa nguyên chính trị, phe bảo thủ trong Đảng nhất định sẽ giành được lợi thế rồi sau đó hủy bỏ chương trình cải cách.

Để thúc đẩy mạnh mẽ phong trào dân chủ và cởi mở theo hướng đúng đắn, chúng ta phải chiến đấu đồng thời trên hai mặt trận - chống lại những kẻ dân chủ và cởi mở cực đoan cũng như chủ nghĩa bảo thủ... Nếu không có những biện pháp đấu tranh đúng đắn và khéo léo chống lại chủ nghĩa cực đoan, chúng ta sẽ bị rơi vào bẫy của chủ nghĩa bảo thủ và quay trở lại với con đường sai lầm. Điều này sẽ gây bất lợi cho những nỗ lực vận động đổi mới và tạo ra khó khăn lớn cho chúng ta trong tương lai trước mắt.¹⁴

Những người ôn hòa và bảo thủ đồng ý với nhau, mặc dù dựa trên những lý do khác nhau, rằng tranh luận về đa nguyên chính trị đã đi quá xa. Sau Hội nghị trung ương 6, tám tờ báo trước đây ủng hộ chủ trương đa nguyên chính trị đã bị cấm. Theo học giả Thái Lan Thaveeporn Vasavakul, Nguyễn Văn Linh “vào năm 1989 đã rút sự ủng hộ dành cho giới trí thức và những người chỉ trích chế độ khi tình hình chính trị tại Đông Âu trở nên bất ổn và chế độ cai trị độc đảng bị thách thức”.¹⁵ Ông Linh ngừng viết chuyên mục của mình và Thủ tướng Đỗ Mười đã nhắc lại chính sách kiên định của Đảng đối với vai trò của phương tiện truyền thông: “Báo chí nước ta là tiếng nói của Đảng,” và vì vậy “nên phản ảnh quan điểm và lập trường của Đảng.”¹⁶

Cuộc tranh luận này đã trở nên bức thiết sau sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản tại Đông Âu, một sự kiện gây sốc với chính quyền Hà Nội. Họ tin rằng đa nguyên chính trị đã trở thành mối đe dọa hiện hữu cho sự tồn vong của chế độ. Tháng 8 năm 1989, Ban chấp hành Trung ương đã công bố “3 không”: “không nghi ngờ vai trò lãnh đạo của Đảng, không nghi ngờ tính đúng đắn của nhà nước độc

¹³ Trần Trọng Tân, “Để hiểu rõ kết luận của Bộ chính trị ban chấp hành trung ương Đảng về công tác tư tưởng,” báo Nhân Dân, 23 tháng 1 năm 1989, “How to Clearly Understand the Vietnam Communist Party Central Committee Political Bureau’s Conclusion on Ideological Work,” in FBIS-EAS, 1 tháng 3 năm 1989, trang 72.

¹⁴ Trần Trọng Tân, “How to Clearly Understand,” trang 72.

¹⁵ Thaveeporn Vasavakul, “Vietnam: the Changing Models of Legitimization,” in Multhiah Alagappa, ed., *Political Legitimacy in Southeast Asia: The Quest for Moral Authority* (Palo Alto, Calif.: Stanford University Press, 1995), 285, esp. notes 137-138.

¹⁶ Sở nội vụ Hà Nội, 15 tháng 10 năm 1989, FBIS-EAS, 16 tháng 10 năm 1989, 53-60.

đảng, không ủng hộ đa nguyên và dân chủ đa đảng.”¹⁷ Trong bài xã luận ngày 25 tháng 9 trên tờ nhật báo *Quân đội Nhân dân*, Đảng đã đánh giá mức độ nghiêm trọng của mối đe dọa này và các biện pháp để bảo vệ chế độ: “Bọn đế quốc đã thất bại trong âm mưu lật đổ chủ nghĩa xã hội từ bên trong trong ba trường hợp: Hungary (1956), Tiệp Khắc (1968) và Ba Lan (1980).” Trong những trường hợp này “bạo lực cách mạng đã được sử dụng thành công.” Với bài học biến cố quảng trường Thiên An Môn trong tâm trí, Đảng tìm cách đảm bảo sự trung thành tuyệt đối của Quân đội Nhân dân Việt Nam và chỉ rõ rằng quân đội sẽ được sử dụng để bảo vệ chế độ.

Hội nghị Trung ương 9 vào tháng 3 năm 1990 là một trong những kỳ họp dài nhất và có nhiều sóng gió nhất trong lịch sử Việt Nam và đã dẫn đến sự bác bỏ hệ thống chính trị đa đảng và cải cách dân chủ dưới bất kỳ hình thức nào.¹⁸ Tại cuộc họp, ủy viên Bộ Chính trị xếp thứ chín Trần Xuân Bách bị cách chức, nguyên nhân chính thức đưa ra là do vi phạm kỷ luật Đảng nhưng trên thực tế là vì có “chủ trương” cải cách chính trị. Trần Xuân Bách đã gây rất nhiều tranh cãi với bài phát biểu trong đó ông chỉ ra rằng “ai đó không thể nghĩ rằng bất ổn chỉ xảy ra tại Đông Âu còn Châu Á vẫn ổn định.....Tất cả các nước xã hội chủ nghĩa đang trong quá trình phát triển đi lên phía trước, có những khác biệt tồn đọng cần giải quyết, cần phải thoát khỏi sức ép và gánh nặng của những cái cũ kỹ đang tồn tại bấy lâu nay.”¹⁹ Trần Xuân Bách, người đứng đầu Ủy ban Đối ngoại của Ban Chấp hành Trung ương, đã đi rất nhiều nơi và cá nhân ông ý thức được những thay đổi đang diễn ra trên khắp thế giới. Và với tư cách là ủy viên Bộ Chính trị phụ trách việc chiếm đóng Campuchia, ông biết rõ những thất bại trong chính sách ngoại giao và những khiếm khuyết trong quá trình hoạch định chính sách, hoặc, trong quan sát của cá nhân ông, là sự thiếu vắng những tranh luận có ý nghĩa trong Đảng về các chính sách quan trọng - hay không có sự tập trung dân chủ. Quan điểm nhấn mạnh của Trần Xuân Bách, cũng như của giới lãnh đạo hiện nay, là làm thế nào để

¹⁷ Carlyle Thayer, “Political Reform in Vietnam: Doi Moi and the Emergence of Civil Society,” in Robert Miller, ed., *The Development of Civil Society in Communist Systems* (Sydney: Allen and Unwin, 1992), 127.

¹⁸ Murray Hiebert, “Against the Wind,” FEER, 12 tháng 4 năm 1990, 12-13.

¹⁹ Trần Xuân Bách, “Bài phát biểu tại Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam,” Sở nội vụ Hà Nội, 5 tháng 1 năm 1990, “Speech to Union of Vietnam Scientific and Technological Associations,” in FBIS-EAS, 8 tháng 1 năm 1990, trang 67-68. Tuyên bố của Ban Chấp hành Trung ương nói rằng ông Bách bị khai trừ vì “đã vi phạm nghiêm trọng kỷ luật và nguyên tắc tổ chức của Đảng, dẫn đến những hậu quả tiêu cực.” Có thể tìm thấy bài viết về sự thanh trừng ông Bách trong Steven Erlanger, “Vietnamese Communists Purge an In-House Critic,” *New York Times* (NYT), 1 tháng 4 năm 1990, A4.

duy trì sự ổn định: “Chúng ta phải duy trì một cách nhất quán và vững chắc sự ổn định trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, và xã hội. Đặc biệt là ổn định chính trị.”²⁰

Bùi Tín cho rằng ông Bách “chấp nhận nhu cầu thảo luận những hệ tư tưởng và các quan điểm chính trị khác biệt. Song ông không đề cập đến hệ thống chính trị đa đảng.”²¹ Bài phát biểu của ông Bách được xuất bản trên tờ báo phát hành bí mật của Câu lạc bộ những người kháng chiến cũ vào tháng 12 năm 1989. Dù không kêu gọi Đảng tự nguyện từ bỏ quyền lực độc tôn, ông Bách ủng hộ việc Đảng chấp nhận sự đa dạng của các quan điểm chính trị. Nhưng ông biết rằng cần phải có một số cải cách chính trị nhất định. Trong “Bài phát biểu tại Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam” được lưu hành rộng rãi, ông cảnh báo rằng “vẫn có sự bất ổn trong lòng dân. Họ đang đòi hỏi dân chủ và công bằng xã hội.”²² Và không như những đồng nghiệp trong Bộ Chính trị, ông bác bỏ ý kiến cho rằng có thể cải cách kinh tế mà không cần phải thay đổi về mặt chính trị. Đối với ông, tự do hóa kinh tế chỉ có thể thành công nếu nó được song hành với tự do hóa chính trị: “Ta không thể đi bằng một chân ngắn và một chân dài, và ta không thể đi với chỉ một chân,” ông nói trong một cuộc phỏng vấn vào tháng 1 năm 1990.²³ Thế nhưng ông Bách chưa bao giờ gợi ý Đảng từ bỏ quyền lực. Trong khi các nhà lý luận của Đảng như Nguyễn Đức Bình tin rằng dân chủ hóa nền kinh tế sẽ làm tiêu tan nhu cầu cải cách chính trị, Trần Xuân Bách chỉ nhìn thấy điều ngược lại. Ông tin rằng tăng trưởng kinh tế sẽ tạo ra cả yêu cầu tham gia vào chính trị lớn hơn lẫn sự cần thiết phải có sự tham gia như vậy. Với sự phát triển của nền kinh tế, Đảng sẽ phải dựa vào sự trợ giúp chuyên môn của những tầng lớp mới, những nhà doanh nghiệp, các ngành kinh tế, và những người không nằm trong Đảng để quản lý nền kinh tế ngày càng phức tạp hơn.

Nhưng đối với một đảng cực kỳ thủ cựu thì những chủ trương của ông Bách gây rất nhiều tranh cãi và chứa đựng những mầm mống nguy hiểm, cho nên phải bị bác bỏ ngay lập tức. Ban Chấp hành Trung ương ra thông báo cách chức ông Bách và coi sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội tại Đông Âu là do “những âm mưu của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động” chứ không phải là những tác nhân bên trong. Quan điểm này được Đảng sử dụng để biện hộ cho chính sách luôn luôn cảnh giác trước những âm mưu bên ngoài ngấm ngầm phá hoại quyền lực độc tôn của Đảng thay vì chấp nhận tồn tại các quan điểm và lợi ích khác nhau. Đảng chủ trương duy trì quyền lực độc tôn vì sự ổn định: “Chỉ có sự ổn định chính trị mới

²⁰ Trần Xuân Bách, “Speech to Union,” 67.

²¹ Bùi Tín, *Following Ho Chi Minh: Memoirs of a North Vietnamese Colonel* (Honolulu: Hawaii Press, 1995), 161.

²² Như trên, 161.

²³ Murray Hiebert, “Survival Tactics,” FEER, 1 tháng 2 năm 1990, 24-25.

giúp chúng ta ổn định và phát triển kinh tế xã hội, dần dần tháo gỡ những khó khăn và cải thiện cuộc sống của người dân.”²⁴

Trong thời gian chuẩn bị diễn ra Đại hội VII, Nguyễn Văn Linh đã mời nhân dân đóng góp ý kiến cho dự thảo báo cáo chính trị, một cơ hội mà nhiều người sử dụng để ủng hộ Trần Xuân Bách. Ông Lê Quang Đạo, ủy viên Ban Chấp hành Trung ương và là Chủ tịch Quốc hội không có thực quyền, đã viết một bài trên báo *Đại Đoàn Kết* ngày 08 tháng 12 năm 1989 có tiêu đề “Có điều gì đó nhằm lẫn căn bản với chủ nghĩa xã hội; những người nắm quyền đứng trên nhân dân; chúng ta phải công khai xin lỗi nhân dân.” Trong đó ông cho rằng nguyên nhân gây ra sự đình trệ tại Việt Nam, cũng như tại các quốc gia Đông Âu, là sự tập trung quyền lực quá mức. Đảng viên trí thức Nguyễn Khắc Viện cũng đồng ý. Ông cho rằng Đảng đã suy thoái bởi vì Đảng trực tiếp thực thi quyền lực, “bởi vì “Hội đồng bộ trưởng, Quốc hội, các bộ, các ngành chỉ là những con rối.”²⁵ Cựu lãnh đạo Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Nguyễn Hữu Thọ cũng cho rằng: “gốc rễ của thất bại là do gánh nặng của hệ thống quan liêu bảo thủ và sự thiếu vắng dân chủ về phía chính phủ.”

Mặc cho những quan điểm này và những kiến nghị khác như của Bùi Tín và Hoàng Minh Chính, Đại hội VII Đảng Cộng sản Việt Nam diễn ra vào tháng 6 năm 1991 đã bác bỏ bất cứ đề xuất nào chủ trương đa nguyên chính trị. Dân chủ đa đảng không cần thiết vì Đảng đã có “dân chủ” rồi. Quả thực, trường hợp của Trần Xuân Bách thậm chí còn không được đưa ra như đã dự kiến. Mặc dù ông Bách theo như dự định vẫn ở lại Ban Chấp hành Trung ương để thể hiện sự đoàn kết, trên 50 phần trăm thành phần Ban Chấp hành đã bỏ phiếu cách chức ông. Hiện nay, ông Bách vẫn sống trong quên lãng tại một vùng ngoại ô Hà Nội.²⁶ Dự thảo Cương lĩnh chính trị của Đại hội công khai bác bỏ mô hình cải cách chính trị theo kiểu Liên Xô, thay vào đó kêu gọi áp dụng những cải cách theo kiểu Trung Quốc để không phải từ bỏ bất kỳ quyền lực nào.

Sau Đại hội VII, còn rất ít lời kêu gọi cải cách chính trị, và Nguyễn Đức Bình có vẻ như phần nào có lý trong lập luận của mình. Đầu những năm 1990 chứng kiến sự bùng nổ tăng trưởng kinh tế và sự phấn khích lan rộng trước sự phát triển mạnh mẽ của đất nước. Tự tin vào bản thân, giới lãnh đạo Đảng cho rằng không phải giải quyết vấn đề cải cách chính trị. Thay vào đó, Bộ Chính trị vẫn cảnh giác trước những âm mưu bên ngoài (cụ thể là Mỹ) nhằm lật đổ sự lãnh đạo của Đảng

²⁴ Trích dẫn trong Hiebert, “Against the Wind,” 12.

²⁵ Nguyễn Khắc Viện, “Letter to Nguyễn Hữu Thọ, President Vietnam Fatherland Front,” 6 tháng 1 năm 1991, *Vietnam Commentary* (Tháng 3- Tháng 4 1991): 4.

²⁶ Bùi Tín, *Following Ho Chi Minh*, 159-160.

thông qua các chiến lược “diễn biến hòa bình.”²⁷ Cũng như những gì đã diễn ra tại Đại hội VII, Đại hội VIII nhấn mạnh sự cần thiết của sự cai trị độc đảng và trung thành với những lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Trong bài phát biểu quan trọng của mình, chủ tịch Lê Đức Anh tuyên bố rằng Đảng phải tăng cường quyền lực – bởi vì “các thế lực thù địch không ngừng tấn công vai trò lãnh đạo của Đảng, luôn tìm cách thay đổi bản chất của Đảng và Nhà nước Việt Nam, làm chệch hướng cuộc cách mạng của chúng ta.”²⁸ Tương tự, cựu Bộ trưởng Quốc phòng Đoàn Khuê liên tục cảnh báo “các thế lực thù địch đang nỗ lực quét sạch chủ nghĩa xã hội và những thành quả cách mạng của nhân dân ta.”²⁹ Bộ trưởng quốc phòng mới được bổ nhiệm Phạm Văn Trà cũng đồng tình: “Kẻ thù vẫn coi Việt Nam là một chiến trường quan trọng. Chúng tiếp tục thực hiện chiến lược ‘diễn biến hòa bình, bạo loạn, lật đổ’ nhằm xóa bỏ chủ nghĩa xã hội tại Việt Nam.”³⁰

Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng các đại hội lần thứ VI, VII, VIII cũng có những cải cách chính trị cụ thể như đặt ra giới hạn tuổi, sửa đổi hiến pháp, tách biệt chức năng của Đảng và Nhà nước. Đảng đã chứng tỏ mong muốn đổi mới một cách dè dặt. Vấn đề là những cải cách như vậy là chưa đủ. Những vấn đề chưa được chính phủ giải quyết đã trở nên trầm trọng thêm do đình đốn kinh tế diễn ra từ năm 1996. Quả thực, phản ứng lúng túng của Việt Nam trước cuộc khủng hoảng theo nhiều cách có thể được giải thích bởi những điểm yếu cố hữu của hệ thống chính trị: một hệ thống dựa trên sự đồng thuận tập thể nhưng lại phổ biến tình trạng bè phái và những mối quan hệ ô dù trên dưới.³¹ Chỉ một sự kiện duy nhất trong những năm 1990 thực sự buộc chế độ phải đối mặt với những vấn đề do đường lối cai trị sai lầm gây ra, đánh giá lại các phương pháp lãnh đạo, và xem xét

²⁷ Lấy ví dụ, các nghị quyết 8A và 8B của Bộ chính trị năm 1990 đã găn cho sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản tại Đông Âu cho những âm mưu của bọn đế quốc và phản động. Những quan điểm khác của Đảng có thể được thấy trong Võ Thu Phương, “Tiến triển mới trong quan hệ Việt-Mỹ,” *Tạp chí Cộng sản* (Tháng 8 năm 1995), trang 47-48; Lê Xuân Lưu, “Mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong thời kỳ cách mạng mới,” *Đài tiếng nói Việt Nam (VOV)*, 11 tháng 6 năm 1996, “Relations between Building and Defending the Fatherland in the New Revolutionary Stage,” in FBIS-EAS, 13 tháng 6 năm 1996, trang 85-87, quan điểm của lực lượng vũ trang có thể thấy trong Phan Hải Hà, “Diễn biến hòa bình-Thắng lợi không cần chiến tranh,” *Quân Đội Nhân Dân*, 11 tháng 1 năm 1993, “Peaceful Evolution-Victory Without War,” in FBIS-EAS, 15 tháng 1 năm 1993, trang 56-58, và thượng tướng Nguyễn Nam Khánh, “Đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa hữu khuynh-một khâu quan trọng trong công tác xây dựng Đảng hiện nay,” *Tạp chí Quốc phòng toàn dân* (tháng 1 năm 1996), trang 7-9.

²⁸ “Communist Role to be Strengthened,” *Vietnam Investment Review*, 4-10 tháng 9 năm 1995, trang 8.

²⁹ Lấy ví dụ, bài viết của Đoàn Khuê đăng trên tờ *Quân Đội Nhân Dân*, ngày 24 tháng 11 năm 1993, trang 1.

³⁰ Mới đầu được xuất bản trên nhật báo *Quân Đội Nhân Dân*: xem Reuters: “Hanoi Warns of Subversion Threat,” *International Herald Tribune*, 16 tháng 12 năm 1997, trang 6.

³¹ Zachary Abuza, “Debating Globalization: Explaining Hanoi’s Bilateral Trade Negotiations,” *Problems of Post-Communism* (January 2001).

những cải cách chính trị: Đó chính là cuộc biểu tình của nông dân Thái Bình năm 1997-1998.

Biểu tình của nông dân Thái Bình

Các cuộc biểu tình của nông dân Thái Bình làm rung chuyển miền Bắc Việt Nam từ cuối năm 1997 đã nêu ra một trường hợp thú vị để phân tích xem Đảng đã phản ứng như thế nào đối với mối đe dọa lớn nhất đến tính chính danh của Đảng kể từ đầu những năm 1980 và, quan trọng nhất, là Đảng thực sự nhận thức về dân chủ như thế nào. Tính chính danh của chế độ luôn xuất phát từ sự ủng hộ của giai cấp nông dân. Như Thủ tướng Phan Văn Khải đã chỉ ra: "Nếu các vùng nông thôn vẫn ổn định và những người nông dân vẫn hạnh phúc với cuộc sống của họ thì nước ta vẫn có thể đảm bảo sự ổn định dù cho có khó khăn đến mấy. Vì vậy, ổn định ở khu vực nông thôn đóng vai trò cốt yếu với an ninh quốc gia."³² Và chế độ luôn luôn đồng nhất an ninh quốc gia với sự tồn vong của chính bản thân mình.

Những người nông dân bắt đầu biểu tình khắp miền Bắc, đặc biệt là tại tỉnh Thái Bình đông dân cư và nghèo đói. Ngoài việc tố cáo tình trạng lao động công ích cưỡng ép, họ còn phản đối các loại thuế và phí tùy tiện từ quyền sử dụng đất cho đến "phí bồi dưỡng giáo viên" cho việc học hành của con em họ, số tiền mà một nhà nghiên cứu người Việt tính toán lên đến 40% thu nhập của một người nông dân.³³ Tổng số tiền thu được từ các loại thuế và phí từ tháng 1 năm 1994 đến tháng 7 năm 1997 riêng tại Thái Bình vượt mức cho phép từ trung ương là 176 tỷ đồng (khoảng 16 triệu đô la).³⁴ Cũng trong thời gian đó, các khoản vay dành cho nông dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã giảm 40% so với năm 1996, và nạn thất nghiệp, vốn đã ở mức 200.000 người, tăng vọt. Bên cạnh đó còn có những quan ngại về tình trạng tham nhũng, chiếm đất, tái đàm phán hợp đồng một cách cưỡng bức, và "chủ nghĩa mệnh lệnh." Vì các bí thư đảng ủy (địa phương) cũng thường

³² Vietnam News Service (VNS), "Manh Wants Stronger People's Committees," Vietnam News, 30 tháng 9 năm 1998.

³³ Tham khảo Đặng Phong, "Những khía cạnh của nền kinh tế nông nghiệp và đời sống nông thôn năm 1993," trong Benedict J. Tria Kerkvliet and Dough J. Porter, eds., *Vietnam's Rural Transformation* (Boulder, Colo.: Westview Press, 1995), trang 182-183. Một nghiên cứu của Oxfam năm 1996 phát hiện trong một tỉnh có tám loại thuế ấn định từ trung ương, trong đó có thuế quyền sử dụng đất, ngư nghiệp, chế biến muối và giết mổ, cũng như sáu "khoản đóng góp" khác tại địa phương, trong có lao động công ích. Tham khảo Oxfam UK và Irland, *Report on the Financing and Delivery of Basic Services at the Commune Level in Ky Anh, Ha Tinh* (Tháng 3 năm 1996). Nông dân cả nước trung bình phải đóng góp mỗi năm 10 ngày lao động công ích cho nhà nước.

³⁴ Những quỹ này, theo giải thích của lãnh đạo tỉnh, không phải vào túi cá nhân mà được sử dụng cho các kế hoạch đầu tư cơ sở hạ tầng. Tỉnh đã xây dựng 4.408 km đường xá, trong đó 2.831 km được lát vỉa hè, và 3.712 km đường điện, và số trường học đã tăng 90%. Tuy vậy chi phí xây dựng cơ bản này đã dẫn đến khoản nợ 245 tỷ đồng. Economist Intelligence Unit, Vietnam, 2nd Quarter: 12

đảm nhiệm vai trò chủ tịch ủy ban nhân dân nên họ có quyền lực tuyệt đối. Đặng Phong giải thích như sau:

Vai trò của Nhà nước với tư cách là trọng tài duy nhất và tối cao trong các quyết định về quyền sử dụng đất đối với mọi loại hình đất đai của cả nước đã trao cho các quan chức địa phương những quyền vô lý để họ lại giao đất cho những người này, người nọ, không kể cho chính bản thân họ. Hệ thống quản lý quyền sử dụng đất đã tạo nên một nhóm người tích lũy được những tài sản đất đai lớn không phải qua quá trình khai hoang hay giao dịch thị trường mà bằng cách lạm dụng quyền lực từ vị trí của mình. Điều này tất nhiên là bất công và phi pháp và đã gây ra sự bất bình trong dân chúng.³⁵

Với quyền lực của mình, các lãnh đạo xã có thể tái phân phối đất công, vốn chiếm từ 10 đến 25% diện tích đất xã. Về mặt pháp lý, quá trình này phải được thực hiện thông qua đấu giá, nhưng trên thực tế nó được thực hiện bí mật để các vị lãnh đạo này phân phối đất cho gia đình và bè bạn. Mặc dù tiền thu được từ việc cho thuê "quyền sử dụng đất lần hai" này phải được sử dụng cho các chương trình phúc lợi xã hội, nhưng chúng lại thường bị biển thủ,³⁶ do vậy những người nông dân bình thường bị tước đoạt quyền lợi theo hai cách trên. Khi các cuộc biểu tình ở Thái Bình nổ ra, Đảng đã nhanh chóng hành động, gửi 1.200 công an và một số ủy viên Bộ Chính trị xuống điều tra (một chiếc xe của một trong các vị này bị những người nông dân giận dữ thiêu rụi). Rốt cục, chỉ có 50 nhân viên công an và quan chức chính phủ địa phương bị bắt giữ, truy tố, và khai trừ khỏi Đảng - ít hơn số nông dân bị bắt giữ vì đã biểu tình chống tham nhũng.

Sau sự kiện trên, Đảng không thừa nhận lỗi nằm ở các chính sách mà đổ lỗi cho các quan chức địa phương tham nhũng. Do vậy, các cán bộ lãnh đạo xã đã biến những chính sách "tốt" của Đảng thành công cụ để họ trục lợi. Như Thủ tướng Phan Văn Khải đã than phiền, vấn đề nằm ở công đoạn thực hiện: "theo dư luận quần chúng, Đảng, nhà nước, và chính phủ có thể có những chính sách đúng đắn nhưng những chính sách này không mang lại nhiều kết quả. Nhân dân đồng ý với nhiều chính sách, nhưng không tin vào kết quả thực hiện."³⁷ Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu thừa nhận với báo *Tuổi Trẻ* là "Trong chiến tranh, chính quyền luôn gần gũi với dân. Hiện giờ chúng ta nên thẳng thắn thừa nhận là mối quan hệ thiêng liêng đó đã bị xói mòn."³⁸ Ông còn đi đến kết luận rằng "những vi phạm quyền dân chủ đã xuất hiện" ở vùng nông thôn. Tương tự, cựu Tổng Bí thư Đỗ Mười cũng cho rằng

³⁵ Đặng Phong, "Các khía cạnh của nền kinh tế nông nghiệp," trang 181.

³⁶ Kerkvliet, "Rural Society and State Relations," in Kerkvliet and Porter, eds., *Vietnam's Rural Transformation*, 75

³⁷ Dean Yates, "Vietnam Prime Minister Stresses Political Stability," Reuters, 28 tháng 10 năm 1998.

³⁸ Reuters, "Vietnam Party Chief Takes Aim at Bureaucrat," 27 tháng 4 năm 1998.

“có những lý do phức tạp tại các điểm nóng, nhưng một nguyên nhân phổ biến là do các quan chức có dính dáng đến tham nhũng, thói quan liêu, không dân chủ, vi phạm pháp luật, xâm phạm những lợi ích hợp pháp của nhân dân.”³⁹ Sự thừa nhận thẳng thắn nhất về những sai lầm của Đảng đến từ Chủ tịch nước Trần Đức Lương, người mà trong chuyến công tác đến Thái Bình đầu năm 1998 đã nói rằng các cuộc biểu tình của người nông dân cho thấy Đảng đã “mất vai trò lãnh đạo” và đã “phơi bày những khiếm khuyết trong hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng.” Ông Lương tiếp tục với lời cảnh báo rằng “thiếu dân chủ đang đẩy Đảng, nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội rời xa quần chúng, gây nên sự bào mòn tính chiến đấu trong toàn bộ hệ thống chính trị.”⁴⁰

Đảng không chịu thừa nhận đây là vấn đề nhức nhối vẫn chưa được giải quyết. Thiếu dân chủ là kết quả tất yếu của việc từ bỏ chính sách tập thể hóa: với sự xóa bỏ hệ thống các xã, các chủ tịch xã bị thất nghiệp. Khi nhà nước khuyến khích các hộ cá thể làm chung trong các hợp tác xã, các chủ tịch xã quay trở lại làm chủ nhiệm hợp tác xã. Mặc dù có những kêu gọi bầu cử trực tiếp nhưng những vị này thường sử dụng chức vụ kiêm nhiệm với tư cách là bí thư đảng ủy để kiểm soát kết quả bầu cử. Điều này đã nhanh chóng gây ra vấn đề. Biểu tình ở nông thôn chống tham nhũng nổ ra năm 1992, và tại Hội nghị Trung ương 5 vào tháng 6 năm 1993, Đảng ra một văn kiện thừa nhận “dân chủ và công bằng xã hội tại các khu vực nông thôn đã bị xem nhẹ” và “thói quan liêu, chuyên quyền, và tham nhũng trong các bộ máy nhà nước vẫn còn phổ biến.” Mục tiêu của Hội nghị là đảm bảo “dân chủ và công bằng xã hội” bằng cách duy trì ổn định chính trị. Nhưng đây mới là trọng tâm của vấn đề: các cán bộ diễn giải nghị quyết của Đảng theo hướng đồng nhất dân chủ với sự ổn định; do vậy, họ có thể biện hộ những biện pháp trấn áp mạnh tay là nhằm duy trì trật tự.

Nhưng do quy mô và phạm vi của các cuộc biểu tình, nhiều nhà lãnh đạo đã hiểu được nhu cầu cấp thiết của cải cách chính trị. Trong khi một số nhân vật bảo thủ vẫn không chịu tin là các cuộc biểu tình là do lỗi của Đảng và họ đổ lỗi cho những kẻ phá hoại bên ngoài,⁴¹ nhiều người khác trong giới lãnh đạo đã tận dụng những cuộc biểu tình làm cơ hội để thí điểm những chính sách mới mặc dù còn hạn chế. Chủ tịch Trần Đức Lương, nhìn vào khía cạnh tích cực của những cuộc biểu

³⁹ VNS, “Hai Phong Must Strive for Democracy: Do Muoi,” Vietnam News, 11 tháng 11 năm 1998.

⁴⁰ Reuters, “Hanoi to Bolster Internal Political Controls,” 2 tháng 3 năm 1998.

⁴¹ Ví dụ, nguyên bộ trưởng quốc phòng Đoàn Khuê tin rằng biểu tình xảy ra vì các cán bộ địa phương đã không cảnh giác trước những âm mưu bên ngoài: “Để đạt được điều này [ổn định chính trị tại nông thôn] chúng ta phải sử dụng mọi nỗ lực để đảng viên tại tất cả các cấp ý thức được những âm mưu và thủ đoạn của kẻ thù.” Trích dẫn lại trong Reuters, “Hanoi to Bolster Internal Political Controls.”

tình, nói “đây là những bài học cho chúng ta, Đảng và nhà nước ta công nhận những bất bình của nhân dân trong các trường hợp này là đúng.”⁴² Hầu hết các lãnh đạo đều nói về sự cần thiết phải cải thiện dân chủ, nhưng không có sự nhất trí xem thế nào là dân chủ: những định nghĩa và từ ngữ của cá nhân các nhà lãnh đạo thường mâu thuẫn với nhau.

Cựu Tổng Bí thư Đỗ Mười, dẫn đầu quan điểm bảo thủ, kêu gọi “dân chủ hóa hơn nữa” nhưng cái ông muốn không phải là dân chủ theo nghĩa của Phương Tây. Ông Mười khẳng định rằng Đảng vẫn phải lãnh đạo mọi cấp độ xã hội, nhưng Đảng nên “khuyến khích sự tham gia của dân chúng địa phương vào quá trình hoạch định chính sách.” Trong một bài phát biểu tháng 11 năm 1998, ông công khai chỉ trích các quan chức thành phố Hải Phòng vì đã “không để dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra các kế hoạch.”⁴³ Ông không ủng hộ việc trao trả quyền lực cho dân hay chia sẻ quyền lực với dân nhưng ông lo ngại từ lâu về sự gia tăng nhanh chóng tình trạng tham nhũng của các quan chức, và bằng cách kêu gọi sự minh bạch lớn hơn trong quá trình hoạch định và thực hiện chính sách, ông hy vọng các quan chức sẽ cư xử có trách nhiệm hơn và đạo đức hơn do e ngại sự trừng phạt. Như ông đã cảnh cáo các quan chức của Hải Phòng: “Chúng ta đã học được những bài học rằng dân chúng ở một số tỉnh có rất ít niềm tin vào sự lãnh đạo của đảng ủy và họ đã tố cáo thói vô trách nhiệm và sự tham nhũng của các vị đảng viên này.”

Chủ tịch Trần Đức Lương cũng có ý kiến tương tự: nước ta không cần dân chủ theo kiểu Phương Tây, đơn giản chỉ cần sự minh bạch lớn hơn và có sự tham gia của quần chúng. Để làm được điều này, ông kêu gọi Hội Nông dân Việt Nam “tăng cường dân chủ cấp cơ sở và giúp cho người nông dân ý thức được các quyền dân chủ và pháp lý của họ.”⁴⁴ Quan trọng hơn, ông Lương muốn Hội Nông dân Việt Nam làm việc và phối hợp các đảng bộ và ủy ban nhân dân địa phương về các chính sách. Nói một cách đơn giản, Trần Đức Lương lo ngại có quá nhiều quyền hành nằm trong tay các chủ tịch ủy ban nhân dân và các bí thư đảng bộ địa phương, mà thường xuyên là các trường hợp đảm nhiệm cùng một lúc cả hai vị trí. Hội nông dân Việt Nam sẽ đóng vai trò giám sát quyền lực bằng cách khuyến khích chính quyền và đảng bộ địa phương thực hiện chính sách “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân quản lý.” Vấn đề mà ông Lương không chịu thừa nhận là Hội Nông dân Việt Nam luôn là một cánh tay của nhà nước, và do vậy có cơ cấu tổ chức chặt chẽ từ trên xuống. Cũng như Đỗ Mười, Trần Đức Lương không kêu gọi

⁴² Adrian Edwards, “Vietnam’s President Says Unrest Prompting Rethink,” Reuters, 23 tháng 2 năm 1998.

⁴³ VNS, “Hai Phong Must Strive for Democracy.”

⁴⁴ VNS, “President Luong Calls on Farmer’s Association to Promote Grassroots Democracy,” *Vietnam News*, 11 tháng 10 năm 1998.

Đảng từ bỏ hoặc chia sẻ quyền lực, ông chỉ muốn các quan chức địa phương có trách nhiệm hơn và bớt tham nhũng hơn. Đảng tin rằng, dân chủ hóa phải trong khuôn khổ, và vì vậy, phải được Đảng kiểm soát.

Để thực hiện được mục tiêu này, vào giữa năm 2000, Hội Nông dân Việt Nam đã phát động chương trình thí điểm thành lập Trung tâm tư vấn và thông tin pháp luật. Trung tâm này được phối hợp điều hành bởi Vụ Bổ trợ Tư pháp của Bộ Tư pháp, cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí đào tạo nông dân về các quyền hợp pháp của họ nhằm ngăn chặn sự lạm dụng quyền lực và tham nhũng tại cấp địa phương. Tuy nhiên, chương trình thí điểm chỉ được thực hiện tại duy nhất một xã, và đến nay vẫn không có kế hoạch cụ thể thực hiện chương trình tại cấp quốc gia.⁴⁵

Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh, có lẽ nhân cơ hội biểu tình tại Thái Bình để tăng cường vai trò của Quốc hội, đã đẩy mạnh một số cải cách chính trị tại cấp địa phương. Chính sách của ông tập trung khôi phục lại vai trò của Hội đồng nhân dân tại cấp cơ sở. Ông Mạnh tin rằng biểu tình diễn ra là do hệ thống hội đồng nhân dân đã không làm việc hiệu quả. Mặc dù trên danh nghĩa là có dân chủ, hội đồng nhân dân do một vài cá nhân kiểm soát, thường là kiêm nhiệm các chức năng bên Đảng lẫn bên chính quyền, nên đã phủ nhận vai trò là nơi để nông dân biểu lộ sự phản đối các chính sách hoặc kiến nghị về chính quyền địa phương. Như ông Mạnh nói: "Hội đồng nhân dân đã không tạo niềm tin cho dân, tạo điều kiện để nảy sinh tham nhũng và vi phạm pháp luật của các quan chức" và "quyền dân chủ của dân đã không được công nhận bởi các hoạt động của hội đồng nhân dân." "Điều này đã "gây ra sự bất bình trong dân chúng."⁴⁶ Tóm lại "Hội đồng nhân dân đã không nắm bắt được nguyện vọng của dân."⁴⁷ Giải pháp đối với các cuộc biểu tình của ông Mạnh là trả lại cho dân một kênh kiến nghị lên chính quyền một cách hòa bình, hợp pháp, và chính đáng. Khôi phục vai trò của hội đồng nhân dân sẽ giải quyết được mấu chốt vấn đề. Để thực hiện được, ông khẳng định hội đồng nhân dân địa phương "cần có vai trò lớn hơn với tư cách là cơ quan đại diện thực sự của dân" và "cần phải tiếp tục nâng cao vai trò và chức năng của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân ở tất cả các cấp và qua đó mở rộng dân chủ xuống cấp xã."⁴⁸ Tuy nhiên ông Mạnh không đưa ra được bất kỳ đề xuất cụ thể làm thế nào để tăng cường vai trò của ủy ban nhân dân. Bộ Chính trị đã phê duyệt đề án quản lý dân chủ thí điểm tại hai xã của tỉnh Hưng Yên. Hội đồng nhân dân tại hai xã này sẽ chia sẻ quyền hoạch định chính sách với người dân của xã, mà hiện tại vẫn thuộc độc quyền của

⁴⁵ VOV, "Hỗ trợ pháp luật giúp bảo vệ quyền lợi của nông dân," 10 tháng 9 năm 2000.

⁴⁶ VNS, "Grassroots Democracy Vital to Effective Governance, Says NA Chairman Manh," *Vietnam News*, 27 tháng 7 năm 1998.

⁴⁷ VNS, "People's Councils Need to Shape Up," *Vietnam News*, 3 tháng 10 năm 1998.

⁴⁸ VNS, "Manh Wants Stronger People's Committees," *Vietnam News*, 30 tháng 9 năm 1998.

bí thư đảng ủy xã. Để xoa dịu sự bất mãn của dân chúng, vào tháng 11 năm 1998, Quốc hội đã thông qua luật đất đai sửa đổi. Luật này giúp bảo vệ quyền sử dụng đất của nông dân.⁴⁹ Cuối năm 2000, Quốc hội ra dự thảo luật mới về ủy ban nhân dân, mặc dù trước mắt sẽ ít có thay đổi. Phản ánh sự mâu thuẫn trong tư tưởng của Đảng về việc dân chủ hóa mạnh mẽ hơn, ông Mạnh nhắc lại rằng “vai trò lãnh đạo của Đảng phải được tăng cường ở tất cả các cấp của chính phủ để duy trì vững chắc bản chất giai cấp công nhân của nhà nước.”⁵⁰ Lúc khác ông lại khẳng định chỉ có tăng cường vai trò của các tổ chức đảng mới giúp củng cố vai trò của ủy ban nhân dân. Rõ ràng là ông Mạnh, cũng như các lãnh đạo còn lại mong muốn có dân chủ lớn hơn, nhưng không muốn ảnh hưởng đến vai trò của Đảng. Quả thực, nó phải đi kèm với việc tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng. Như một nhà phân tích Phương Tây lưu ý: “Đảng chuẩn bị cho phép có nhiều dân chủ hơn - nhưng đây là một thuật ngữ co dãn - một thuật ngữ mà Đảng hiểu là việc buộc Đảng chịu trách nhiệm nhiều hơn trước dân, nhưng sẽ không có chuyện đa nguyên chính trị.”⁵¹ Greg Lockhart đồng ý, cho rằng khái niệm của Đảng về dân chủ là “gắn với quần chúng, tham khảo ý kiến của quần chúng.” “Như vậy “có thể tăng sức sống được cho chính quyền chuyên chế - và nhờ đó làng tránh được dân chủ.”⁵²

Cuộc cách mạng Việt Nam bắt đầu từ nông thôn, và bởi vì Việt Nam vẫn chủ yếu là một nước nông nghiệp với 80% dân số sống ở các khu vực nông thôn, nên nếu có thay đổi thì khả năng cũng sẽ bắt đầu từ đó. Bầu cử địa phương cấp xã theo kiểu Trung Quốc có thể được thực hiện nhưng không diễn ra trước khi các cuộc khủng hoảng kinh tế do thiên tai hay do con người buộc những người nông dân đứng lên thách thức quyền lực của nhà nước.⁵³ Điều này ít có khả năng xảy ra trong tương lai gần; Đảng vẫn nắm chắc khu vực nông thôn. Nhưng chế độ Việt Nam đã rất quan tâm nghiên cứu những cải cách kinh tế và chính trị của Trung Quốc, và nếu dân chủ cấp xã làm tiêu tan những cuộc biểu tình của nông dân trong khi không làm giảm hoàn toàn quyền lực của Đảng tại các khu vực nông thôn, những cải cách tương tự có thể được áp dụng.

Các cuộc biểu tình tại Thái Bình thể hiện rõ nghịch lý của cải cách chính trị tại Việt Nam. Chúng nổ ra bởi vì Đảng nắm giữ quyền lực độc tôn vốn bị lạm dụng vì lợi ích cá nhân của các đảng viên, vì vậy khiến Đảng xa rời quần chúng. Một số

⁴⁹ VNS, “Assembly Adopts Long-Awaited Land-Law Changes,” *Vietnam News*, 26 tháng 11 năm 1998.

⁵⁰ Deutsch Press-Agentur (DPA), “Vietnam Hints at More Local Decision-Making, Under Party Control,” 1 tháng 10 năm 1998.

⁵¹ Chris Brazier, *Vietnam: The Price of Peace*, 56

⁵² Greg Lockhart, “Mass Mobilization in Contemporary Vietnam,” *Asian Studies Review* 21 (tháng 11 năm 1997): 179.

⁵³ Anne F. Thurston, *Muddling Towards Democracy: Political Change in Grassroots China*, Peacework No.23 (Washington, D.C.: U.S. Institute of Peace, 1998)

đảng viên lãnh đạo tin rằng cách để Đảng có thể khôi phục lại tính chính danh của Đảng là làm cho Đảng chịu trách nhiệm nhiều hơn trước dân: Họ không chủ trương cải cách chính trị cấp tiến. Cải cách nếu có chỉ là ủng hộ những gì đã được ghi trong hiến pháp nhưng lâu nay không được thực hiện. Về mặt pháp luật, các lãnh đạo địa phương không cần bắt buộc phải là đảng viên, mặc dù hầu hết là như vậy, trong khi hoạch định chính sách chưa bao giờ có tính minh bạch. Giới lãnh đạo cấp cao của Đảng muốn tìm ra cách để các lãnh đạo địa phương chịu trách nhiệm nhiều hơn trước hành động của họ, hy vọng như vậy làm cho họ bớt tham nhũng và bớt lạm dụng quyền lực. Mĩa mai thay, ý tưởng trên lại tương tự với quan điểm về cải cách chính trị của những người bất đồng chính kiến. Họ cũng muốn Đảng chịu trách nhiệm hơn, khuyến khích đối thoại và mở rộng phạm vi hoạch định chính sách. Khác biệt là ở chỗ, những người bất đồng quan điểm cho rằng cải cách phải được thực hiện cả ở cấp quốc gia, chứ không đơn thuần tại cấp địa phương.

Hình dung về cải cách chính trị

Những nỗ lực gần đây của Đảng nhằm “thực thi dân chủ” vẫn sẽ gây lúng túng cho nhiều người bởi vì rõ ràng là Đảng không hề có ý định chia sẻ quyền lực chứ đừng nói đến từ bỏ quyền lực. Quả thực, những kêu gọi của Đảng nhằm tăng cường dân chủ hóa thậm chí có thể phản tác dụng bởi những kêu gọi như vậy có thể làm cho hứa hẹn của Đảng trở nên sáo rỗng hơn. Những đề xuất về dân chủ hóa của Đảng còn lâu nữa mới thuyết phục được những người bất đồng chính kiến: Yêu cầu dân chủ hóa lớn hơn không nhất thiết xuất phát từ niềm tin rằng phải lật đổ Đảng hay buộc Đảng phải từ bỏ quyền lực. Hầu hết các nhà chỉ trích cho rằng Đảng nên sử dụng Quốc hội làm công cụ cho phép những tiếng nói độc lập được lắng nghe trong quá trình hoạch định chính sách. Cũng có một vài kêu gọi thiết lập hệ thống chính trị đa đảng, nhưng gần như tất cả họ nhất trí kêu gọi chấm dứt sự độc tài toàn trị. Tướng Trần Độ, một trong những nhà bất đồng chính kiến mạnh mẽ nhất, đã viết thư cho Bộ Chính trị, “Tôi vẫn đồng ý và ủng hộ vai trò lãnh đạo chính trị của Đảng. Tôi nghĩ cần thiết phải có vai trò như vậy. Nhưng lãnh đạo không có nghĩa là áp đặt. Sự lãnh đạo của Đảng không có nghĩa là đảng trị.”⁵⁴ Lê Quang Đạo cũng nói về việc vô cùng cần thiết để “Đảng duy trì vai trò đội quân tiên phong.” Một nhà chỉ trích khác, người đã bị bỏ tù vì đã xuất bản tờ báo phát hành bí mật *Diễn đàn Tự do*, khẳng định rằng nhóm của ông “chưa bao giờ nhắm vào lật đổ chính phủ. Tất

⁵⁴ Trần Độ, “The State of the Nation,” 6.

cả những gì chúng tôi nỗ lực là đẩy mạnh tiến trình dân chủ hóa.”⁵⁵ Trong tuyên bố đầu tiên của mình sau khi sống lưu vong, Bùi Tín nói về sự cần thiết “khôi phục lòng tin của dân vào Đảng” và gợi ý nếu Đảng sẵn sàng lắng nghe những ý kiến bên ngoài hệ thống và từ bỏ “chủ nghĩa chủ quan, duy ý chí, và giáo điều,” thì “chúng ta sẽ thực sự tạo được niềm tin trong dân.”⁵⁶

Một mặt, nhiều người đồng tình với quan điểm của Dương Quỳnh Hoa rằng “chúng ta không thể chỉ mở cửa về kinh tế. Phải mở cửa cả chính trị nữa. Ví dụ, một lãnh đạo của Câu lạc bộ những người kháng chiến cũ (được đề cập ở chương 5) đã chỉ ra rằng việc Đảng nhất quyết không cải cách chính trị song song với cải cách kinh tế là điều nguy hiểm. “Khác biệt căn của chúng tôi với giới lãnh đạo là chúng tôi chủ trương thay đổi chính trị cùng với tự do hóa kinh tế, ngược lại, giới lãnh đạo lại cho rằng họ có thể cải cách kinh tế thành công mà không cần đến đổi mới chính trị. Sự kiện Thiên An Môn là một lời cảnh báo cho Đảng rằng đây là một con đường nguy hiểm.”⁵⁷ Nhưng mặt khác, lại có một sự lo sợ nào đó về hậu quả mà dân chủ hóa sẽ đem đến. Là một trong những người sáng lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam, cá nhân Dương Quỳnh Hoa hiểu rằng Đảng sẽ sẵn can thiệp mạnh tay, nhưng thậm chí như vậy, bà vẫn chia sẻ với nỗi lo sợ của Đảng về hậu quả mất ổn định mà dân chủ có thể đem đến cho đất nước.

Tôi tin rằng dân chủ và tôn trọng nhân quyền là những điều cần thiết. Không thể xây dựng một đất nước nếu không có chúng. Mà cách mạng đã thành công là bởi nó đã tuyên bố một quyền căn bản của con người là được hưởng độc lập và tự do. Nhưng nếu các bạn hỏi tôi là liệu chúng ta trong năm năm tới sẽ có đa nguyên chính trị không thì tôi phải nói là tôi không biết. Thành thực mà nói, tôi ủng hộ đa nguyên. Nhưng cũng thú thực là tôi sợ nó. Bạn có biết tại sao không? Bởi vì đa số người dân Việt Nam chưa đủ nhận thức chính trị. Tôi đã trao đổi về vấn đề này với các nhà lãnh đạo. Tôi đã nói với họ là chúng ta phải có dân chủ. Hiện tại chúng ta không có dân chủ. Nhưng nó không có nghĩa là bất kỳ loại dân chủ cũ kỹ nào. Nó không có nghĩa là vô chính phủ. Và khi một

⁵⁵ Sinh năm 1932, Phạm Đức Khâm bị bắt năm 1990 vì các hoạt động “chống phá nhà nước”. Ông bị bắt cùng với sáu trí thức khác vì đã xuất bản bí mật ấn phẩm định kỳ Diễn Đàn Tự Do. Năm 1993, ông bị kết án 16 năm tù vì “âm mưu lật đổ chính phủ.” Bản án sau đó được giảm xuống 12 năm, và trong một động thái ngạc nhiên, ông được phóng thích vào tháng 12 năm 1997 và sống lưu vong ở Mỹ, lý do được đưa ra là “vì lý do nhân đạo.” Động thái được xem là nỗ lực cải thiện quan hệ với Mỹ. Việc phóng thích nằm trong đợt ân xá của chủ tịch nước nhân vào ngày quốc khánh hàng năm. Tham khảo Reuters, “US Says Vietnam Releases Dissident, Welcome Move,” 5 tháng 9 năm 1997; Keith B. Richburg, “Vietnam Frees Leading Dissident,” *Washington Post*, 5 tháng 9 năm 1997, A25

⁵⁶ Bùi Tín, “A Citizen’s Petition,” tháng 11 năm 1990, *Vietnam Commentary* (tháng 11-12 năm 1990): trang 13-15.

⁵⁷ Nguyễn Phong Hồ Hiếu, Bài phát biểu tại Ủy ban khoa học xã hội Đảng ủy TP HCM, 1 tháng 8 năm 1993, “Dissenting Voice of an Ex-Communist Intellectual,” *Vietnam Insight* (Tháng 1 năm 1994)

dân tộc chưa bao giờ sống trong dân chủ và đột nhiên bạn mở toang cánh cửa, sẽ có nguy cơ dẫn đến tình trạng vô chính phủ.⁵⁸

Có lẽ vì nỗi lo sợ dân chủ hoàn toàn sẽ dẫn đến bất ổn chính trị trong nước, rất ít người công khai kêu gọi thiết lập một hệ thống đa nguyên với các đảng cạnh tranh nhau. Những yêu cầu đòi hỏi dân chủ hóa đến từ ba quan điểm: quan điểm thứ nhất cho rằng phải có sự công khai lớn hơn trong nội bộ Đảng. Quan điểm thứ hai nói rằng vì sự phát triển kinh tế, Đảng nên mở rộng dân chủ và thành phần của Đảng phải bao gồm cả các chuyên gia và trí thức. Quan điểm thứ ba là kêu gọi bầu cử đa đảng.

Về quan điểm thứ nhất, nhiều nhà bất đồng chính kiến tức giận vì không có dân chủ trong Đảng, như vậy là đã vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ. Theo họ thì tất cả các quyền quyết sách đều nằm trong tay bộ phận lãnh đạo cấp cao. Như tướng Trần Độ đã phê phán, “thậm chí ngay trong Đảng cũng có hai tầng lớp. Một tầng lớp bao gồm các đảng viên nắm quyền ở những cương vị cao; tầng lớp còn lại là đa số các đảng viên tiếp tục phải sống với nguyên tắc tập trung dân chủ, tuân theo một cách vô điều kiện các chính sách, chỉ thị, và nội quy. Những đảng viên này (bao gồm cả các đảng viên lão thành) không có cơ hội và không thể thảo luận về những mệnh lệnh chỉ đạo.”⁵⁹ Tương tự, trong hồi ký *Viết cho mẹ và Quốc hội*, Nguyễn Văn Trấn đã chỉ ra một cách ví von, “Nhiều vấn đề hệ trọng liên quan đến vận mệnh đất nước được quyết định bởi duy nhất một cá nhân, bạn có biết cần bao nhiêu người để đưa ra quyết định chiếm đóng Campuchia?” Nguyễn Phong Hồ Hiếu, một trí thức miền Nam, người đã xin ra khỏi Đảng năm 1990, cũng phàn nàn về tình trạng thiếu dân chủ trong Đảng, chứ đừng nói đến dân chủ nói chung:

Dù cho đóng góp của Đảng cho đất nước có to lớn như thế nào đi chăng nữa, Đảng cũng chỉ chiếm 3% dân số. Thiếu số không có quyền quyết định cuộc sống của đa số. Tuy nhiên số ít đó lại làm như vậy từ trước đến nay - nhân danh giai cấp lao động. Mãi mai là ở chỗ không một người công nhân, nông dân, người quét rác, người lính, giáo viên, hay người nghèo nào được phép tham gia vào quá trình điều hành đất nước. Thậm chí ngay trong hàng ngũ của Đảng, chỉ một số ít có quyền ra quyết định. Tất cả số còn lại chỉ có nhiệm vụ “học thuộc nghị quyết của Đảng.”⁶⁰

Những gì Trần Độ và những người khác chỉ ra là Đảng đã mắc những sai lầm nghiêm trọng cả trong quá khứ lẫn hiện tại, những sai lầm có thể được khắc phục nếu như có tranh luận và thảo luận khách quan hơn trong khuôn khổ pháp lý chính

⁵⁸ Trích trong Brazier, *Vietnam: The Price of Peace*, trang 57.

⁵⁹ Trần Độ, “The State of Nation,” trang 10.

⁶⁰ Nguyễn Phong Hồ Hiếu, Bài phát biểu tại Ủy ban khoa học xã hội Đảng ủy TPHCM.

trị hiện nay. Kể từ cuộc thanh trừng nội bộ trong Đảng năm 1967, tập trung dân chủ đã bị gác lại. Như Trần Độ viết “Thực tế của vài thập kỷ qua đã cho thấy Đảng không phải lúc nào cũng đúng. Vấn đề là do Đảng nắm trong tay quá nhiều quyền lực trong khi không có bất kỳ một tổ chức hay một nhóm nào giám sát nó. Đây là nguyên nhân dẫn đến lạm dụng quyền lực và tham nhũng mà không một chiến dịch sửa sai nào có thể khắc phục nổi.” Vấn đề này không chỉ gây lo ngại cho các nhà bất đồng chính kiến. Nguyên ủy viên bộ chính trị Vũ Oanh đã viết, “Đảng vẫn chưa hiểu dân một cách thấu đáo; dân trên thực tế không còn gắn bó mật thiết với Đảng; các cán bộ cấp dưới không dám nói thật với cấp trên. Môi trường dành cho dân chủ, tranh luận và đối thoại nhằm tìm kiếm sự thật bị hạn chế...Căn bệnh tập trung quan liêu và lối quản lý chuyên quyền và tùy tiện vẫn còn tồn tại.”⁶¹

Về quan điểm thứ hai, những người vận động dân chủ hóa lấy tính phức tạp ngày càng tăng của nền kinh tế và những hạn chế trong quản lý kinh tế của Đảng để lý giải cho những yêu cầu phải có sự thảo luận, tham vấn và quyền quyết sách lớn hơn dành cho những người ngoài Đảng. Lý do đưa ra là Đảng, với lượng đảng viên chỉ chiếm 3% dân số, không có đủ tài năng và chuyên môn để hiện đại hóa nền kinh tế. Nhà toán học Phan Đình Diệu đã tranh luận gay gắt về vấn đề này, công khai nhất là tại một cuộc họp đảng chính thức – một hội nghị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại Sài Gòn tháng 12 năm 1997. Tại hội nghị đó, ông Diệu yêu cầu phải có cải cách dân chủ vì Đảng không thể tiếp tục nắm giữ quyền lực độc tôn và điều hành một nền kinh tế thị trường. Đối với ông, có sự mâu thuẫn căn bản giữa nhu cầu của thị trường và các mục tiêu của Đảng, vốn “bám lấy những nguyên tắc vô sản nhân danh ổn định chính trị và tiếp tục tăng cường vai trò lãnh đạo tuyệt đối của Đảng.”⁶²

Thay vì đẩy mạnh hơn nữa quá trình tự đổi mới để theo kịp những yêu cầu phát triển kinh tế thị trường và dân chủ xã hội, Đảng đáng tiếc là nhân danh duy trì ổn định chính trị để tiếp tục củng cố quyền lực độc đảng với những nguyên tắc như đã nói ở trên. Và do vậy, mâu thuẫn căn bản ở trên đã không được giải quyết một cách thỏa đáng theo những nhu cầu khách quan của sự phát triển. Những nhu cầu này thậm chí còn bị các nhà chức trách độc tài đàn áp nhằm bảo vệ độc quyền của Đảng. Tình trạng này đã diễn ra kể từ sau Đại hội VII, và trở nên rõ ràng hơn và tuyệt đối hơn trong Đại hội VIII. Đảng đã liên tục tuyên bố vai trò lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối trong chính quyền và xã hội. Mâu thuẫn bị đè nén, áp bức và không được giải quyết sẽ biến thành một lực lượng phá hoại từ bên trong với sự kết hợp của thị trường hỗn loạn và

⁶¹ Vũ Oanh, “Đại Đoàn Kết Dân Tộc trong Tình Hình, Nhiệm vụ Mới” (“Great Unity of the People in Times of New Situations and Responsibilities”), báo *Nhân Dân*, 1 tháng 2 năm 1994, trang 3.

⁶² AFP, 14 tháng 2 năm 1998.

độc tài toàn trị không giới hạn. Đây có thể được xem như những đặc điểm chính của tình hình kinh tế và xã hội quốc gia trong những năm tới. Nó tạo ra những khó khăn rất lớn cho sự phát triển bền vững của đất nước.⁶³

Ông Diệm dự đoán rằng thiếu vắng cải cách dân chủ sẽ gây phương hại cho sự phát triển kinh tế bởi nó làm gia tăng sự kém hiệu quả, đến một điểm mà "Thất bại là điều hiển nhiên" dành cho chương trình cải cách kinh tế. Ông cho rằng vì quyền lực độc tôn của Đảng, giới lãnh đạo quốc gia thiếu "tài năng và sự năng động để phục vụ lợi ích của nhân dân." Hơn nữa, Đảng đã tự cô lập mình với các ý kiến bên ngoài bởi vì "tất cả những tư tưởng trái với đường lối của Đảng đều bị cấm" và do vậy "có một khoảng cách giữa những lãnh đạo của Đảng và tầng lớp trí thức."⁶⁴ Nguyễn Khắc Viện đã nói về khoảng cách thể hệ giữa các lãnh đạo đất nước và một Việt Nam trẻ trung (Trên 60% dân số Việt Nam sinh ra sau ngày thống nhất đất nước). Đối với ông Viện, Đảng sẽ không thể giải quyết được các vấn đề của mình chừng nào nó còn bao gồm những đồng chí rất lớn tuổi, những người không còn sức khỏe nữa và với cách nghĩ và làm đã trở nên lỗi thời. Ông tiếp tục: "Họ không thể có cùng tư duy như thế hệ mới và không có khả năng hiểu và giải quyết được những vấn đề mới nảy sinh."⁶⁵

Tướng Trần Độ, người vận động cho dân chủ hóa mạnh mẽ nhất, không công khai kêu gọi dân chủ đa đảng. Những gì mà ông Độ chủ trương là "sự cần thiết phải cải tổ phương pháp lãnh đạo của Đảng. Tôi cho rằng cải cách phải bao gồm cả việc Đảng phải từ bỏ việc kiểm soát toàn diện và tuyệt đối mọi thứ. Đảng chỉ giữ vai trò lãnh đạo chính trị và để cho Quốc hội, chính phủ và mặt trận tổ quốc có trách nhiệm hơn và độc lập hơn."⁶⁶

Trần Độ cho rằng Đảng, trong khi duy trì vai trò lãnh đạo, phải trở nên mềm dẻo hơn với sự lãnh đạo và chuyên môn của các thể chế chính trị khác. "Dân chủ hóa" đối với ông không nhất thiết là phải có nhiều đảng phái chính trị. Mục đích của ông là quá trình hoạch định chính sách trong Đảng phải dân chủ hơn để có thể có những tranh luận và trao đổi ý kiến thực sự. Ông phàn nàn rằng:

Hiện nay, chúng ta hầu như luôn luôn dùng duy nhất một biện pháp để giải quyết mỗi vấn đề, và biện pháp đó là tối cao bởi vì đó là biện pháp của Đảng. Không ai được phép có ý kiến khác. Không ai được phép tranh luận công khai

⁶³ Phan Đình Diệm, "Bàn về nhu cầu tiếp tục con đường cải cách trong thời kỳ hiện nay," bài phát biểu tại Hội nghị mở rộng Đoàn chủ tịch Ban chấp hành Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Hà Nội, 12-13 tháng 12 năm 1997. Bản dịch "On the Need to Continue Reform in the Current Period," có thể tham khảo tại <http://www.fva.org/document/dissident/pddieu.htm>

⁶⁴ AFP, 14 tháng 2 năm 1998.

⁶⁵ Nguyễn Khắc Viện, "Letter to Nguyễn Hữu Thọ," trang 4.

⁶⁶ Trần Độ, "The State of The Nation," trang 6-7.

về tính đúng đắn của biện pháp đã đưa ra. Thực tế này được áp dụng ở cả khâu chiến lược chung và khâu thực hiện cụ thể tại những khu vực riêng biệt. Tôi cho rằng nhân dân ta, đặc biệt là tầng lớp trí thức trong và ngoài nước, có nhiều ý kiến hay. Nếu họ được phép bày tỏ những ý kiến của mình, so sánh với nhau, và thảo luận tự do, họ có thể xóa bỏ những rào cản tâm lý và tìm được lối ra phù hợp cho đất nước. Nói một cách khác, sự hạn chế vai trò của trí thức, đè nén suy nghĩ của nhân dân, gán những quan điểm khác với quan điểm chính thống của Đảng là “nổi loạn” là những nguyên nhân quan trọng nhất của sự bế tắc chiến lược phát triển đất nước.⁶⁷

Với việc cho phép có thêm tranh luận công khai trong Đảng và trong chính phủ, và có sự tham gia của trí thức và chuyên gia, Đảng sẽ có trách nhiệm cao hơn và đáp ứng được nhu cầu của dân, và như vậy sức mạnh của Đảng được tăng cường. Ông cảnh báo rằng nếu không thực hiện những những cải cách “dân chủ” này, Đảng sẽ bị “tan rã” vì Đảng đã rời xa quần chúng và mất tính chính danh. Trong tuyên bố của mình sau khi bị khai trừ khỏi Đảng tháng 1 năm 1999, Trần Độ diễn giải: “Liệu chúng ta có lối thoát không? Tôi tin là có. Một, không phụ thuộc vào bất cứ tư tưởng hay giáo điều nào. Hai, phải tham khảo rộng rãi ý kiến trong dân và trao đổi với dân, không ai được phép suy nghĩ thay cho cả một dân tộc. Ba, những người nắm quyền phải thực sự là của dân, do dân, và vì dân [tức là phải qua bầu cử].”⁶⁸

Nhưng một lần nữa, đây lại là quan điểm dân chủ của những người thuộc giai cấp thống trị. Trần Độ không chủ trương hệ thống dân chủ với các đảng chính trị cạnh tranh nhau để có ghế trong quốc hội. Ông muốn một hệ thống có sự tham gia với tư cách độc lập của các chuyên gia và các trí thức tâm huyết.

Đã có một số ít những kêu gọi có một hệ thống chính trị đa đảng thực sự trong đó đảng cộng sản chỉ là một trong số các đảng phái. Một số ít các nhà bất đồng quan điểm đã kêu gọi Đảng chia sẻ quyền lực. Trong bài luận của mình, “Chủ nghĩa xã hội Việt Nam: Di sản, Cải cách và Phát triển kinh tế,” Lữ Phương cho rằng Việt Nam chỉ có thể phát triển với nền dân chủ đa nguyên: “Xây dựng một nhà nước pháp quyền là cơ sở để thiết lập một hệ thống đa nguyên, đa đảng... Đảng phải trao trả toàn quyền cho chính phủ, quay trở lại với xã hội dân sự, đặt Đảng dưới pháp luật và bình đẳng với các tổ chức chính trị, xã hội khác.”⁶⁹ Nhưng ông không kêu gọi Đảng từ bỏ quyền lực, ông chỉ đòi hỏi Đảng phải chấp nhận có nhiều đảng phái khác bình đẳng. Đây là điểm mấu chốt: Giới bất đồng chính kiến muốn Đảng chia sẻ chứ không từ bỏ quyền lực.

⁶⁷ Như trên, 5.

⁶⁸ Trần Độ, “A Few Words on the 4 January Expulsion,” Vietnam Democracy (tháng 1 năm 1999).

⁶⁹ Lữ Phương, “Socialist Vietnam: Heritage, Reform and Economic Development.” Mimeo, n.d.

Tuy nhiên, những kêu gọi như vậy lại không đi cùng với một kế hoạch cụ thể về sự quá độ sẽ diễn ra như thế nào. Thời kỳ quá độ tại Hungary, dù được đề cập vẫn tắt (và hoàn toàn không mang tính khách quan) trên báo chí, đã đưa ra một mô hình nhưng gần như không có nghiên cứu nào được thực hiện. Một lần nữa, lại có vẻ như nếu có bất kỳ một đảng chính trị nào xuất hiện thì nó sẽ bắt nguồn từ Đảng Cộng sản Việt Nam và đóng vai trò là phe đối lập trung thành với chế độ, đơn giản chỉ sử dụng quyền tự chủ để phê phán và phản biện các chính sách tồi của chính phủ. Nhiều người hy vọng rằng một hệ thống đa đảng sẽ dần dần được thể chế hóa từ sự cởi mở hệ thống chính trị. Bùi Minh Quốc, một trong những nhà bất đồng chính kiến mạnh mẽ nhất, cho rằng nên có nhiều tranh luận hơn về cải cách chính trị: "Cần chấm dứt việc coi đa nguyên đa đảng là những chủ đề kiêng kỵ, mà phải tổ chức những cuộc tranh luận công khai và công bằng về những vấn đề này để nhân dân có thể có những bước đi phù hợp trong nỗ lực dân chủ hóa đất nước trong hòa bình, ổn định, và phát triển."⁷⁰

Các nhà chỉ trích khác đã cố gắng thuyết phục giới lãnh đạo Đảng rằng đa nguyên không nhất thiết gây phương hại cho Đảng. Mặc dù Đảng phải đối mặt với sự cạnh tranh, nhưng cạnh tranh sẽ tăng sức sống và sức mạnh cho Đảng. Trong lá thư được lưu hành rộng rãi tháng 2 năm 1998, Nguyễn Thanh Giang đồng ý với quan điểm cho rằng dân chủ hóa nên song hành với sự hồi sinh của Đảng: "Mọi người nhận thấy nhu cầu cấp bách của một nền dân chủ thực sự trong đó mọi tầng lớp nhân dân cùng được hưởng lợi..... để thiết lập dân chủ, cần phải cải tổ Đảng một cách mạnh mẽ và khôi phục lại hệ thống đa nguyên và đa đảng ở Việt Nam một cách mạnh mẽ nhưng thận trọng."⁷¹

Tuy nhiên, nếu chỉ đơn giản là hợp pháp hóa các đảng phái khác không thôi sẽ không giải quyết được hết các vấn đề của Việt Nam và làm vơi đi những quan ngại của những người bất đồng chính kiến. Phan Đình Diệu đã nêu ra lo ngại rằng nếu một ngày nào đó Đảng cho phép sự xuất hiện của các đảng phái khác thì chúng vẫn bị Đảng kiểm soát theo một cách thức nào đó. Dường như ông ý thức được các mô hình đa đảng trong đó các đảng đối lập, dù hợp pháp, bị chế độ cai trị kiểm soát, như trường hợp Indonesia dưới thời Suharto. Đối với ông, "điều căn bản là không chỉ có nhiều đảng phái chính trị hay một hệ thống đa đảng, mà phải có sự lựa chọn thực sự. Để có sự lựa chọn thực sự, hai đảng có thể là đủ, nhưng phải có

⁷⁰ Bùi Minh Quốc, "Open Letter to VCP Central Committee," 3 tháng 10 năm 1993, Vietnam Insight (tháng 5 năm 1994).

⁷¹ Trích từ Pascale Trouillard, "Vietnam Communist Party Under Fresh Attitude," AFP 13 tháng 3 năm 1998.

sự khác biệt thực sự giữa chúng.⁷² Nhưng ông nhấn mạnh phải có hệ thống đa đảng:

Trong thời đại hiện nay, không nên tồn tại bất kỳ nhân tố nào nắm giữ vai trò độc quyền lãnh đạo, làm ra bất kỳ sản phẩm nào cũng buộc nhân dân phải chấp nhận, nói gì cũng buộc nhân dân phải coi đó là những nguyên tắc vàng phải tuân theo. Trong tình hình hiện nay của đất nước, không còn là lúc để bất kỳ ai đó viện dẫn lý do của lòng trung thành để áp đặt một tư tưởng hệ lỗi thời lên toàn xã hội; cũng không ai có thể dựa vào vinh quang trong quá khứ của thế hệ trước để khẳng định vị trí độc tôn của thế hệ hiện tại, những người tự nhận mình là người kế thừa; cũng không ai có thể buộc tất cả những người khác chấp nhận vĩnh viễn một con đường đã được lựa chọn ở một thời điểm nào đó trong quá khứ.⁷³

Bất kể mức độ đến đâu những người bất đồng chính kiến cho rằng hệ thống chính trị của đất nước cần được dân chủ hóa, họ cảm thấy rằng, cần phải có đối thoại và tranh luận nhiều hơn, dù là giữa các cá nhân hay là một hệ thống đa đảng được thể chế hóa. Quan trọng hơn, mỗi một cấp độ dân chủ có thể được thực hiện thông qua các kênh pháp lý và thể chế chính trị hiện hữu. Kênh quan trọng nhất trong số này là Quốc hội.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN *NGHIENCUUQUOCTE.NET*

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

⁷² “Prof. Phan Dinh Dieu’s View of Communism,” Vietnam Democracy (tháng 6 năm 1993) trang 6.

⁷³ Như trên.

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc các cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

Xuất bản các bài dịch đã được công bố

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

Yêu cầu đối với bản dịch

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đảm ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.
- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.
- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: nghiencuuquocte@gmail.com.

Thời hạn hoàn thành bản dịch

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

Cộng tác với *Nghiencuuquocte.net*

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://nghiencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>

Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luôn hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của

bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài để dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Nghiencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

Bản quyền bài dịch

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Nghiencuuquocte.net*. Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Nghiencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Nghiencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ *nghiencuuquocte.net*

Việc đăng tải lại trên các trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *nghiencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *nghiencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *nghiencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

Miễn trừ trách nhiệm

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Nghiencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

Liên lạc

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: nghiencuuquocte@gmail.com.